

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 37

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Mì trứng nấu thịt gà, củ cải, cải caron, giá, hẹ lá
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá lóc kho tộ, tiêu xay, hành lá
- Canh khoai tây, bắp mỳ nấu tôm tươi, ngò rí, hành lá
Xế: Quýt đường
Xế chiều: Cháo thịt bò, đậu hà lan, bí đỏ, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	300	4,400	13,200
4	N0966	Muối iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,200	2,560	56,320
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,250	2,625
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	6,300	3,150
9	0185	Tỏi ta	50	7,460	3,730
10	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
11	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	4,310	8,620
12	0113	Đậu Hà Lan	50	78,650	39,325
13	0286	Thịt bò loại II	500	37,280	186,400
14	0512	Hạt tiêu	20	31,900	6,380
15	N0793	Cá lóc phi lê (cá quả)	2,000	20,060	401,200
16	0007	Ngô bắp tươi	400	3,680	14,720
17	0037	Khoai tây	400	4,520	18,080
18	0424	Tôm sú	500	36,540	182,700
19	0259	Quýt (quýt)	1,500	6,200	93,000
20	N0777	Mì sợi	400	7,700	30,800
21	0098	Cải xanh	100	4,310	4,310
22	0103	Củ cải trắng	200	3,050	6,100
23	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
24	0124	Hẹ lá	50	4,830	2,415
25	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600

26	0457	Sữa bột toàn phần	927.54	20,500	190,146
Tổng cộng					1,369,001

Tổng tiền thực phẩm	1,369,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,369,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	20,683,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	20,683,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan